TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 263/2025/DS-PT Ngày 20 - 5 - 2025 *V/v* tranh chấp dân sự về thừa kế tài sản.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:Ông Nguyễn Tấn Tặng.

Các thẩm phán: Bà Kiều Kim Xuân.

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Điểu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11- 12- 2024 và ngày 20-5-2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 431/2024/TLPT-DS ngày 21 tháng 10 năm 2024, "V/v *tranh chấp* dân sự về thừa kế tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2024/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 586/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2024; Thông báo mở lại phiên tòa số 128/TB-TA ngày 25/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 283/2025/QĐ-PT ngày 25/4/2025 giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông Võ Văn B (Bé B1), sinh năm 1964.

Địa chỉ: Khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông B: Luật sư Hồ Thanh H - Văn phòng L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ.

Địa chỉ: Số A, đường V, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Khóm C, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Võ Thị K, sinh năm 1950;

Địa chỉ: Số F đường B, khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1955 (Vợ ông Võ Văn R - đã chết);

3. Chị Võ Thị Huệ H1, sinh năm 1976 (Con ông Võ Văn R);

4. Chị Võ Thị Kiều O, sinh năm 1978 (Con ông Võ Văn R);

5. Chị Võ Thị Thùy D, sinh năm 1980 (Con ông Võ Văn R);

6. Chị Võ Thị Thùy T1, sinh năm 1982 (Con ông Võ Văn R);

7. Chị Võ Thị Thùy D1, sinh năm 1984 (Con ông Võ Văn R);

Cùng địa chỉ: Số A, đường M, phường A, quận H, thành phố Hồ Chí Minh;

8. Bà Võ Thị T2, sinh năm 1959 (chết ngày 05/7/2024).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T2:

8.1. Anh Võ Văn H2, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

8.2. Anh Võ Thành T3, sinh năm 1983;

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

9. Anh Võ Thái H3, sinh năm 1988 (Con ông Võ Văn Đ1 - đã chết);

Địa chỉ: Khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp;

10. Chị Võ Thị Tuyết P, sinh năm 1989 (Con ông Võ Văn Đ1);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

11. Bà Võ Thị Ngọc Đ2, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

12. Bà Võ Thị Ú, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp B, xã B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Ông Võ Văn B (Bé B) là nguyên đơn; bà Võ Thị K, anh Võ Văn H2, anh Võ Thái H3, bà Võ Thị Ngọc Đ2, và Võ Thị Ú là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ông B, ông Đ, bà Đ2, bà Ú, anh H3, Luật sư có mặt tại phiên tòa. Bà K, anh H2, anh T3, chị P có đơn xin xét xử vắng mặt. Các đương sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Võ Văn B trình bày:*

Nguồn gốc đất và nhà tranh chấp là của cha mẹ là ông Võ Văn T4 (chết năm 2016) và bà Nguyễn Thị H4 (chết năm 2006), cha mẹ có 08 người con gồm: bà

Võ Thị K; ông Võ Văn R (chết, có vợ là bà Đỗ Thị T và các con là chị Võ Thị Huệ H1, chị Võ Thị Kiều O, chị Võ Thị Thùy D, chị Võ Thị Thùy T1, chị Võ Thị Thùy D1); bà Võ Thị T2 (chết, chồng bà T2 chết, có con là anh Võ Văn H2 và anh Võ Thành T3); ông Võ Văn Đ; ông Võ Văn Đ1 (chết, vợ ông Đ1 chết, có con là anh Võ Thái H3 và Võ Thị Tuyết P), ông là Võ Văn B, bà Võ Thị Ngọc Đ2 và bà Võ Thị Út . Ngoài ra cha mẹ không có con riêng, con nuôi nào khác nữa.

Khi còn sống cha mẹ có tạo lập được căn nhà và đất diện tích 100,3m^2, thuộc thửa 234, tờ bản đồ số 49, do cha là ông Võ Văn T4 đứng tên trong giấy chứng nhận QSD đất, đất tọa lạc tại khóm C, phường A, thành phố H, Đồng Tháp, hiện do ông Võ Văn Đ đang là người quản lý, sử dụng tài sản này. Giá trị căn nhà và đất là khoảng 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng).

Khi cha mẹ còn sống thì sống trong căn nhà này và ông cũng có thời gian ở cùng với cha mẹ, năm 1989 ông lập gia đình thì ông cũng sống chung với cha mẹ, năm 2006 thì mẹ chết, đến năm 2009 ông dời về nhà mồ ở khóm A, phường A sinh sống cho tới nay. Ông Đ về sống chung với cha mẹ từ năm 2008 tới nay, lúc trước ông Đ ở chổ khác, cha ông gọi ông Đ về sống chung với cha để lo cho cha khi tuổi già. Nay cha mẹ chết ông Đ là người thờ cúng cha, ông là người thờ cúng mẹ. Cha mẹ chưa chia tài sản gì cho ông, chỉ để cho ông ở coi ngó nhà mồ thôi.

Ông Đ cho rằng khi cha còn sống có để lại di chúc, nhưng lúc lập di chúc cha đã lớn tuổi rồi (92 tuổi) nên tin thần không còn minh mẫn. Yêu cầu Tòa án xác minh dùm là có tờ di chúc này không. Nếu trong trường hợp cha ông có để lại di chúc cho ông Đa tài S tranh chấp này thì cha cũng chỉ có quyền lập di chúc để lại cho ông Đ 50% giá trị thôi, vì đây là tài sản chung của cha mẹ chứ không phải của riêng cha, nên tài sản này cha 50% và mẹ 50%. Phần 50% của mẹ thì phải chia thừa kế lại cho ông một phần theo quy định pháp luật. Phần 50% của cha thì để cho ông Đ hưởng. Yêu cầu Tòa án xác minh nội dung từng từ, từng chữ, từng câu trong tờ di chúc mà cha lập để lại, để giải quyết vụ án cho đúng quy định pháp luật.

Nên nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Văn Đ phải chia thừa kế di sản của cha mẹ chết để lại với số tiền là 250.000.000đ (Hai trăm năm chục triệu đồng), đây là phần giá trị mà ông được hưởng thừa kế đối với di sản là căn nhà và đất diện tích 100,3m^2, thuộc thửa 234, tờ bản đồ số 49 nêu trên.

Ngoài ra ông không tranh chấp tài sản nào khác. Các tài sản trong nhà mà cha mẹ để lại kinh doanh mặt hàng đồ thờ cúng thì ông không tranh chấp, thống nhất để hết cho ông Đ hưởng.

Ngoài tài sản đang tranh chấp trong vụ án, thì lúc còn sống cha mẹ có tạo lập được một số tài sản khác và đã phân chia cho các con như sau:

Một căn nhà cấp 04 và đất tọa lạc tại khóm B, phường A (chợ cũ Hồ N), nhà và đất này trước khi chết cha mẹ đã chia cho 04 người con gái là bà Võ Thị K, bà Võ Thị T2, bà Võ Thị Ngọc Đ2 và bà Võ Thị Ú, mỗi người được một phần bằng nhau. Sau đó 04 người con gái này mới thống nhất thỏa thuận giao lại cho một mình bà K và bà K phải thối tiền lại cho 03 người còn lại. Hiện bà K đang quản lý, sử dụng và đứng tên trong giấy chứng nhận QSD đất. Việc cha mẹ tặng cho lâu rồi không nhớ thời gian cụ thể. Ông không tranh chấp gì đối với tài sản này.

Một phần đất ruộng khoảng 10.000m^2 tọa lạc ở phường A, phần đất này cha mẹ đã cho ông Võ Văn R, sau đó ông R đã bán phần đất này cho người khác. Việc cha mẹ tặng cho lâu rồi không nhớ thời gian cụ thể. Ông không tranh chấp gì đối với tài sản này.

Một phần đất ở tọa lạc khóm A, phường A diện tích dài 168m và ngang 24m, sau đó cha mẹ bán một phần cho cây xăng A ngang 24m, dài 90m, phần đất còn lại hiện ông là người quản lý, sử dụng, cha mẹ để lại cho ông để làm nơi mồ mã chôn chất thờ tự ông bà, hiện giấy chứng nhận QSD đất do cha đứng tên trong giấy chứng nhận QSD đất. Ông không tranh chấp gì đối với tài sản này. Đối diện với phần đất ông đang ở này thì ngoài mé sông là đất hiện nay 02 con của ông Đ đang ở (đất mé sông nhà nước không cấp giấy chứng nhận QSD đất). Phần đất đã bán cho cây xăng A thì trước đó có nhà của ông Đ, sau khi cha mẹ bán nên ông Đ dời về sống chung với các con của ông Đ ở đất mé sông và cha mẹ có bồi thường tiền di dời cho ông Đ 03 cây vàng. Đồng thời, sau đó thì cha mẹ có mua cho ông Đ một phần đất trước trụ sở UBND thành phố H để ở và mua bán gạo, nhưng sau đó đất trúng vào quy hoạch nên ông Đ không có chổ ở nên về ở chung với cha mẹ trong căn nhà tranh chấp cho tới nay. Nhà nước có hỗ trợ cho ông Đ mua một suất ở tuyến dân cư nhưng ông Đ không chịu nhận mua suất này. Ông không tranh chấp gì đối với tài sản này.

Ngoài ra cha mẹ không còn tài sản nào khác nữa.

Ông thống nhất Sơ đồ đạc của Tòa án và giá trị tài sản tranh chấp theo giá của Hội đồng định giá đã định.

Ngoài ra ông không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

- Bị đơn ông Võ Văn Đ trình bày:

Ông không thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn B và yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nguồn

gốc đất và nhà tranh chấp mà ông B khởi kiện là của cha mẹ là ông Võ Văn T4 (chết năm 2016) và bà Nguyễn Thị H4 (chết năm 2006) chết để lại, cha mẹ có 08 người con như ông B trình bày, không con riêng, con nuôi gì.

Trước khi cha mẹ chết thì cha mẹ có làm tờ di chúc để lại cho ông hưởng tài sản tranh chấp này, di chúc viết tay vào 15/10/2005 (âm lịch) do cha tôi viết và cha mẹ tôi ký tên cùng có 02 người làm chứng là ông Đỗ Thanh H5 (đã chết) và ông Lê Văn Đ3. Di chúc viết tay này bao gồm tất cả các tài sản mà cha mẹ tạo lập được và phân chia cụ thể cho các con, trong đó có đất và nhà đang tranh chấp trong vụ án này thì cha mẹ để lại cho ông, các tài sản còn lại thì cha mẹ chia cho những người con khác, rất rõ ràng rồi. Lúc cha mẹ lập di chúc viết tay này thì phần đất tranh chấp này chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Sau khi mẹ chết thì cha sợ sau này con cháu tranh giành, tiêu tan tài sản, nên sau khi phần đất này được cấp giấy chứng nhận QSD đất thì cha đến Phòng công chứng lập di chúc để thừa kể lại cho ông phần đất tranh chấp này, bản di chúc đã được công chứng hợp pháp theo quy định pháp luật vào ngày 06/3/2012. Do nghĩ anh em ai cũng có phần và sử dụng ổn định rồi, trước sau gì tài sản này cũng là của mình và cũng không rành thủ tục giấy tờ nên ông chưa đi làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận QSD đất từ cha sang ông.

Nay ông Võ Văn B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khởi kiện tranh chấp yêu cầu ông chia thừa kế đối với phần diện tích đất 100,3m^2 và căn nhà trên diện tích đất này, đất thuộc thửa số 234, tờ bản đồ số 49, đất tọa lạc tại khóm C, phường A, thành phố H phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp thì ông không thống nhất, vì tài sản này cha mẹ đã để lại cho riêng ông. Đất hiện do cha ông đứng tên trong giấy chứng nhận QSD đất. Giấy chứng nhận QSD đất hiện ông đang giữ bản chính, không thế chấp, cầm cố hay chuyển nhượng cho ai. Yêu cầu Tòa án giải quyết bác yêu cầu khởi kiện của ông B và yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, công nhận QSD phần đất và nhà tranh chấp này cho ông được đứng tên trong giấy chứng nhận QSD đất.

Ngoài tài sản đang tranh chấp trong vụ án, sinh thời thì cha và mẹ có tạo lập được các tài sản và đã phân chia cho các con như sau:

Một căn nhà và đất tọa lạc tại khóm B, phường A (chợ cũ Hồ N), nhà và đất này cha mẹ đã chia cho 04 người con gái là bà Võ Thị K, bà Võ Thị T2, bà Võ Thị Ngọc Đ2 và bà Võ Thị Ú, mỗi người được một phần bằng nhau. Sau đó 04 người này thống nhất thỏa thuận giao lại cho một mình bà K và bà K phải thối tiền lại cho 03 người còn lại. Hiện bà K đang quản lý sử dụng và đứng tên trong

giấy chứng nhận QSD đất, cho khi cha mẹ còn sống vào khoảng năm 2005. Ông không tranh chấp gì đối với tài sản này.

Một phần đất ruộng khoảng 10.000m^2 tọa lạc ở phường A, phần đất này cha mẹ đã cho ông Võ Văn R, sau đó ông R đã bán phần đất này cho người khác. Ông không tranh chấp gì đối với tài sản này.

Một phần đất ở tọa lạc khóm A, phường A diện tích 168m dài và 24m ngang, sau đó cha mẹ bán cho cây xăng A một phần ngang 24m, dài 90m, phần còn lại cha mẹ để lại cho ông B. Trước đây nhà ông xây dựng trên phần đất mà cha mẹ bán cho cây xăng A nên cha mẹ yêu cầu ông dở nhà về chung sống với các con của ông ở mé sông (đất mé sông không được cấp giấy chứng nhận QSD đất). Sau khi mẹ chết thì cha gọi ông về ở chung với cha để lo cho cha tuổi già, nên ông về sống cha cho tới khi cha chết. Phần đất còn lại sau khi bán cho cây xăng A thì hiện nay ông B là người quản lý, sử dụng, cha mẹ để lại cho ông B phần đất này. Phần đất đối diện phần đất này ngoài mé sông mà hiện nay 02 con tôi đang ở thì đất của Nhà nước, không cho cấp giấy chứng nhận QSD đất. Ông không tranh chấp gì đối với tài sản này.

Còn phần đất trước trụ sở UBND thành phố H mà ông B trình bày là đất cắt tạm, cha mẹ mua cái trại tạm của người khác để bán gạo sinh sống qua ngày thôi, đất lấn chiếm mé sông của Nhà nước, đây là đất của nhà nước, chứ không phải của người dân, nhưng sau đó nhà nước lấy làm dự án bờ kè nên ông dở trại tạm trả đất cho Nhà nước, chứ không phải cha mẹ mua đất cho ông. Ông cũng không có nhận được bồi thường hay hổ trợ gì cả vì đất của nhà nước ông lấn chiếm.

Ngoài ra cha mẹ không còn tài sản nào khác nữa.

Ông thống nhất Sơ đồ đạc của Tòa án và giá trị tài sản tranh chấp theo giá của Hội đồng định giá đã định.

Ngoài ra ông không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị K, bà Võ Thị Ngọc Đ2, bà Võ Thị Ú trình bày*:

Bà K, bà Đ2, bà Ú thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn B. Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Văn Đ phải chia thừa kế di sản của cha mẹ là ông Võ Văn T4 và bà Nguyễn Thị H4 chết để lại cho bà K, bà Đ2, bà Ú mỗi người số tiền là 211.344.000đ, đối với di sản là quyền sử dụng đất và căn nhà trên đất diện tích là 100,3m^2, thuộc thửa 234, tờ bản đồ số 49, tọa lạc tại khóm C, phường A, thành phố H, Đồng Tháp, hiện do

ông Đ đang là người quản lý, sử dụng tài sản này. Ngoài ra bà không tranh chấp tài sản nào khác. Các tài sản trong nhà mà cha mẹ để lại kinh doanh mặt hàng đồ thờ cúng thì bà không tranh chấp, thống nhất để hết cho ông Đ hưởng.

Ngoài tài sản đang tranh chấp trong vụ án, sinh thời thì cha mẹ có tạo lập được các tài sản và đã phân chia cho các con như sau:

Một căn nhà và đất tọa lạc tại khóm B, phường A (chợ cũ Hồ N), nhà và đất này cha mẹ đã chia cho 04 người con gái là bà, bà Võ Thị T2, bà Võ Thị Ngọc Đ2 và bà Võ Thị Ú, mỗi người được một phần bằng như nhau. Sau đó 04 người thống nhất thỏa thuận giao lại cho một mình bà và bà phải thối tiền lại cho 03 người còn lại mỗi người là 02 cây vàng. Hiện bà là người đang quản lý, sử dụng và đứng tên trong giấy chứng nhận QSD đất. Bà không tranh chấp gì đối với tài sản này.

Một phần đất ruộng khoảng 10.000m^2 tọa lạc ở phường A, phần đất này cha mẹ đã cho ông Võ Văn R, sau đó ông R đã bán phần đất này cho người khác. Bà không tranh chấp gì đối với tài sản này.

Một phần đất ở tọa lạc khóm A, phường A diện tích dài 168m và ngang 24m, sau đó cha mẹ bán cho cây xăng A một phần ngang 24m, dài 90m, phần đất còn lại cha mẹ chia cho ông B và hiện ông B đang là người quản lý, sử dụng. Đối diện phần đất còn lại này là phần đất nằm ngoài mé sông hiện nay 02 con của ông Đ đang ở (đất mé sông nhà nước không cấp giấy chứng nhận QSD đất). Phần đất bán cho cây xăng A thì do có nhà của ông Đ ở trên đó, sau khi cha mẹ bán nên ông Đ dời về sống chung với các con của ông đất ở ngoài mé sông và cha mẹ có bồi thường tiền di dời cho ông Đ 03 cây vàng. Sau đó thì cha mẹ có mua cho ông Đ một phần đất trước trụ sở UBND thành phố H để ở và mua bán gạo, nhưng sau đó đất trúng vào quy hoạch nên ông Đ không có chổ ở nên về ở chung với cha mẹ trong căn nhà tranh chấp cho tới nay. Nhà nước có cho ông Đ một suất mua nền nhà trả chậm tuyến dân cư nhưng ông Đ không chịu nhận suất này. Bà không tranh chấp gì đối với tài sản này.

Ngoài ra cha mẹ không còn tài sản nào khác nữa.

Bà K, bà Đ2, bà Ú thống nhất sơ đồ đo đạc của Tòa án và giá trị tài sản tranh chấp của Hội đồng định giá.

Ngoài ra bà không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị T2 (đã chết ngày 05/7/2024) - Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T2 là anh Võ Văn H2 và anh Võ Thành T3 trình bày:

Anh Võ Văn H2 và anh Võ Thành T3 thống nhất giữ nguyên yêu cầu và trình bày của mẹ là bà Võ Thị T2, không yêu cầu hay trình bày bổ sung gì thêm. Bà Võ Thị T2 yêu cầu và trình bày như sau: Bà thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn B. Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Văn Đ phải chia thừa kế di sản của cha mẹ là ông Võ Văn T4 và bà Nguyễn Thị H4 chết để lại cho bà với số tiền là 211.344.000đ, đối với di sản là QSD đất và căn nhà trên đất diện tích là 100,3m^2, thuộc thửa 234, tờ bản đồ số 49, tọa lạc tại khóm C, phường A, thành phố H, Đồng Tháp, hiện do ông Đ đang là người quản lý, sử dụng tài sản này. Ngoài ra bà không tranh chấp tài sản nào khác. Các tài sản trong nhà mà cha mẹ để lại kinh doanh mặt hàng đồ thờ cúng thì bà không tranh chấp, thống nhất để hết cho ông Đ hưởng.

Ngoài tài sản đang tranh chấp trong vụ án, sinh thời thì cha mẹ có tạo lập được các tài sản và đã phân chia cho các con như sau:

Một căn nhà và đất tọa lạc tại khóm B, phường A (chợ cũ Hồ N), nhà và đất này cha mẹ đã chia cho 04 người con gái là bà, bà Võ Thị K, bà Võ Thị Ngọc Đ2 và bà Võ Thị Ú, mỗi người được một phần bằng như nhau. Sau đó 04 người thống nhất thỏa thuận giao lại cho một mình bà K và bà K phải thối tiền cho 03 người còn lại mỗi người là 02 cây vàng. Hiện bà K là người đang quản lý, sử dụng và đứng tên trong giấy chứng nhận QSD đất. Bà không tranh chấp gì đối với tài sản này.

Một phần đất ruộng khoảng 10.000m^2 tọa lạc ở phường A, phần đất này cha mẹ đã cho ông Võ Văn R, sau đó ông R đã bán phần đất này cho người khác. Bà không tranh chấp gì đối với tài sản này.

Một phần đất ở tọa lạc khóm A, phường A diện tích dài 168m và ngang 24m, sau đó cha mẹ bán cho cây xăng A một phần ngang 24m, dài 90m, phần đất còn lại cha mẹ chia cho ông B và hiện ông B đang là người quản lý, sử dụng. Đối diện phần đất còn lại này nằm ngoài mé sông là đất hiện nay 02 con của ông Đ đang ở (đất mé sông nhà nước không cấp giấy chứng nhận QSD đất). Phần đất bán cho cây xăng A thì do có nhà của ông Đ ở trên đó, sau khi cha mẹ bán nên ông Đ dời về sống chung với các con của ông đất ở ngoài mé sông và cha mẹ có bồi thường tiền di dời cho ông Đ 03 cây vàng. Sau đó thì cha mẹ có mua cho ông Đ một phần đất trước trụ sở UBND thành phố H để ở và mua bán gạo, nhưng sau đó đất trúng vào quy hoạch nên ông Đ không có chổ ở nên về ở chung với cha mẹ trong căn nhà tranh chấp cho tới nay. Nhà nước có cho ông Đ một suất mua nền

nhà trả chậm tuyến dân cư nhưng ông Đ không chịu nhận suất này. Bà không tranh chấp gì đối với tài sản này.

Ngoài ra cha mẹ không còn tài sản nào khác nữa.

Thống nhất sơ đồ đo đạc của Tòa án và giá trị tài sản tranh chấp của Hội đồng định giá.

Ngoài ra bà không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Thái H3 trình bày*:

Anh Võ Thái H3 thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn B. Anh là con ông Võ Văn Đ1, cha anh chết, mẹ anh cũng chết, cha anh là anh ruột của ông B và em ruột của ông Đ. Cha anh có 02 người con là anh và em Võ Thị Tuyết P. Nay em anh là chị Tuyết P từ chối nhận phần di sản này và thống nhất giao hết cho anh phần của cha được hưởng. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Văn Đ phải chia thừa kế di sản của ông, bà nội là ông Võ Văn T4 và bà Nguyễn Thị H4 chết để lại cho anh (suất phần hưởng của cha anh) với số tiền là 211.344.000đ, đối với di sản là QSD đất và căn nhà trên đất diện tích là 100,3m^2, thuộc thửa 234, tờ bản đồ số 49, tọa lạc tại khóm C, phường A, thành phố H, Đồng Tháp, hiện do ông Đ đang là người quản lý, sử dụng tài sản này. Ngoài ra anh không tranh chấp tài sản nào khác. Các tài sản trong nhà mà ông, bà nội để lại kinh doanh mặt hàng đồ thờ cúng thì anh không tranh chấp, thống nhất để hết cho ông Đ hưởng.

Ngoài tài sản tranh chấp trong vụ án, thì sinh thời thì ông, bà nội tôi có tạo lập được các tài sản và phân chia cho các con như sau:

Một căn nhà và đất tọa lạc tại khóm B, phường A (chợ cũ Hồ N), nhà và đất này ông, bà nội đã chia cho 04 người con gái là bà Võ Thị K, bà Võ Thị T2, bà Võ Thị Ngọc Đ2 và bà Võ Thị Ú, mỗi người được một phần bằng như nhau. Sau đó 04 người thống nhất thỏa thuận giao lại cho một mình bà K và bà K phải thối tiền lại cho 03 người còn lại mỗi người là 02 cây vàng. Hiện bà K đang quản lý sử dụng và đứng tên trong giấy chứng nhận QSD đất. Anh không tranh chấp gì đối với tài sản này.

Một phần đất ruộng khoảng 10.000m^2 tọa lạc ở phường A, phần đất này ông, bà nội đã cho ông Võ Văn R, sau đó ông R đã bán phần đất này cho người khác. Không tranh chấp gì đối với tài sản này.

Một phần đất ở tọa lạc khóm A, phường A diện tích dài 168m và ngang 24m, sau đó ông, bà nội bán một phần cho cây xăng A ngang 24m, dài 90m, phần đất còn lại ông bà nội chia cho ông B và ông B hiên đang là người quản lý, sử

dụng. Đối diện với phần đất còn lại này nằm ngoài mé sông là đất hiện nay 02 con của ông Đ đang ở (đất mé sông nhà nước không cấp giấy chứng nhận QSD đất). Phần đất bán cho cây xăng A thì có nhà của ông Đ ở trên đó, sau khi ông, bà nội bán nên ông Đ mới dời về sống chung với các con của ông đất mé sông và ông, bà nội có bồi thường tiền di dời cho ông Đ 03 cây vàng. Sau đó thì ông, bà nội có mua cho ông Đ một phần đất trước trụ sở UBND thành phố H để ở và mua bán gạo, nhưng sau đó đất trúng vào quy hoạch nên ông Đ không có chỗ ở nên về ở chung với ông, bà nội trong căn nhà tranh chấp cho tới nay. Nhà nước có cho ông Đ một suất mua trả chậm nền nhà ở tuyến dân cư nhưng ông Đ không chịu nhận suất này. Anh không tranh chấp gì đối với tài sản này.

Ngoài ra ông, bà nội không còn tài sản nào khác nữa.

Thống nhất sơ đồ đo đạc của Tòa án và giá trị tài sản tranh chấp của Hội đồng định giá.

Ngoài ra anh không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Tuyết P trình bày*:

Chị P là con của ông Võ Văn Đ1, ông Đ1 là em ruột của ông Võ Văn Đ và là anh ruột của ông Võ Văn B. Mẹ chị tên Nguyễn Thị Ngọc T5 đã chết. Cha chị có 02 người con là chị và anh Võ Thái H3, ngoài ra không có con riêng con nuôi nào cả. Nay chị thống nhất hoàn toàn với ý kiến và yêu cầu của anh Võ Thái H3. Chị thống nhất phần hưởng tài sản thừa kế của cha chị thuộc hoàn toàn về anh Võ Thái H3. Chị thống nhất phần hưởng của chị, chị tặng cho lại hết anh Võ Thái H3, chị từ chối và không nhận phần nào hết, tặng lại hết cho anh Võ Thái H3 hưởng. Mọi ý kiến và yêu cầu của anh Võ Thái H3 là của chị. Ngoài ra chị không tranh chấp hay có ý kiến gì thêm.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị T, chị Võ Thị Huệ H1, chị Võ Thị Kiều O, chị Võ Thị Thùy D, chị Võ Thị Thùy T1 và Chị Võ Thị Thùy D1 (là vợ và các con của ông Võ Văn R):* Vắng mặt không có ý kiến trình bày.

Tại Quyết định Bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2024/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn B và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị K, bà Võ Thị T2 (Chết - Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T2 là anh Võ Văn H2 và anh Võ Thành T3), anh Võ Thái H3, bà Võ Thị Ngọc Đ2 và bà Võ Thị Ú về việc yêu cầu ông Võ Văn Đ phải chia thừa kế đối với tài sản là diện tích đất 100,3m^2, thuộc thửa 234, tờ bản đồ số 49, hiện do ông Võ Văn T4 đại diện hộ

đứng tên trong giấy chứng nhận QSD đất và căn nhà trên diện tích đất này, tọa lạc tại khóm C, phường A, thành phố H, Đồng Tháp (Theo Sơ đồ đo đạc số 02/2024/SĐĐĐ/CNVPĐKĐĐ TPHN ngày 23/01/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H, tỉnh Đồng Tháp).

Ông Võ Văn Đ được quyền sử dụng và quyền sở hữu căn nhà trên diện tích đất tranh chấp nêu trên theo quy định của pháp luật

Kèm theo Bản án này là Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 12/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự và Sơ đồ đo đạc số 02/2024/SĐĐĐ/CNVPĐKĐĐ TPHN ngày 23/01/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tiền án phí, chi phí tố tụng, thời hạn kháng cáo, quyền kháng cáo, quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19, 21 tháng 8 năm 2024 , ông Võ Văn B là nguyên đơn; Bà Võ Thị Ngọc Đ2, bà Võ Thị K, bà Võ Thị Ú, anh Võ Văn H2, anh Võ Thái H3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo như sau:

Ông Võ Văn B, bà Võ Thị K, anh Võ Văn H2, anh Võ Thái H3, bà Võ Thị Ngọc Đ2 và bà Võ Thị Ú yêu cầu sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2024/DS-ST ngày 09/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự theo hướng chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của những người kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông B, bà Đ2, bà Ú, anh H3 yêu cầu chia thừa kế phần di sản của cụ H4 (phần di sản chung của cụ T4 và cụ H4 mỗi người 50% là 845.378.500 đồng), ông B yêu cầu được hưởng 02 kỷ phần thừa kế là 211.345.000 đồng; Bà Đ2, bà Ú, anh H3 yêu cầu mỗi người được hưởng giá trị phần di sản của cụ H4 với số tiền 105.000.000 đồng.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông B trình bày: Nguồn gốc căn nhà và phần đất tranh chấp là của cụ H4 và cụ T4 chết để lại. Cụ H4 và cụ T4 có 08 người con. Phần di sản của cụ T4 là 50% tài sản tranh chấp, cụ T4 để lại cho ông Đ. Phần di sản của cụ H4 là 50% tài sản tranh chấp là của cụ H4. Ông B yêu cầu chia cho ông B 02 kỷ phần của cụ H4 số tiền là 210.000.000 đồng là phù hợp Điều 650 Bộ luật dân sự. Việc giám định không phải chữ ký và dấu vân tay của cụ H4, nên di chúc ngày 15/10/2005 âl không có giá trị, nhân chứng ông Đ3

không có chứng kiến việc cụ H4, cụ T4 ký tên vào Tờ Di chúc ngày 15/10/2005 âl và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông B, sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận kháng cáo của ông Võ văn B, bà Võ Thị K, bà Võ Thị Ngọc Đ2, bà Võ Thị Ú, anh Võ Văn H2, anh Võ Thái H3, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết và xét xử vụ án đúng theo quy định Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông B, bà K, bà Đ2, bà Ú, anh H2, anh H3 kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định. Các đương sự vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 273, 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của ông B, bà Đ2, bà Ú, anh H3 yêu cầu chia thừa kế phần di sản của cụ H4 (phần di sản chung của cụ T4 và cụ H4 mỗi người 50% là 845.378.500 đồng), ông B yêu cầu được hưởng 02 kỷ phần thừa kế là 211.345.000 đồng; Bà Đ2, bà Ú, anh H3 yêu cầu mỗi người được được hưởng giá trị phần di sản của cụ H4 với số tiền 105.000.000 đồng.

[3] Nguồn gốc phần đất và căn nhà tranh chấp tại số A, đường T, khóm C, phường A, thành phố H là do cụ Võ Văn T4 và cụ Nguyễn Thị H4 tạo lập. Năm 2011, hộ cụ T4 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 234, diện tích 100,3m^2, tờ bản đồ số 49, đất ở đô thị. Năm 2006 cụ H4 chết, đến năm 2016 cụ T4 chết.

[4] Cụ T6 và cụ H4 chung sống với nhau có 08 người con gồm: Bà Võ Thị K, ông Võ Văn R (chết 2018), bà Võ Thị T2 (chết 2024), ông Võ Văn Đ; ông Võ Văn Đ1 (chết 2008), ông Võ Văn B, bà Võ Thị Ngọc Đ2 và bà Võ Thị Út .

Ông R chết có vợ là bà Đỗ Thị T và các con là chị Võ Thị Huệ H1, chị Võ Thị Kiều O, chị Võ Thị Thùy D, chị Võ Thị Thùy T1, chị Võ Thị Thùy D1.

Bà T2 chết chồng bà T2 chết, có con là anh Võ Văn H2 và anh Võ Thành T3.

Ông Đ1 chết, vợ ông Đ1 chết, có con là anh Võ Thái H3 và chị Võ Thị Tuyết P.

Sau khi cụ trắng chết thì ông Đ là người quản lý, sử dụng phần đất và căn nhà số A, đường T, khóm C, phường A, thành phố H.

[5] Theo ông B: Cụ H4 chết không để lại di chúc. Cụ T6 chết có để lại di chúc. Ông Đ cho rằng khi cụ H4 còn sống ngày 15/10/2005 âl, cụ H4 và cụ T6 có lập di chúc, để lại căn nhà và phần đất tại số A, đường T, khóm C, phường A, thành phố H cho ông Đ là người được hưởng thừa kế. Sau khi cụ H4 chết, ngày 06/3/2012 cụ T6 tiếp tục lập di chúc để lại căn nhà và phần đất tại số A, đường T, khóm C, phường A, thành phố H cho ông Đ là người được hưởng thừa kế.

[6] Về Tờ Di chúc ngày 15/10/2005 âl, được lập thành văn bản, không có chứng nhận của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nhưng có ông Đỗ Thanh H5 và ông Lê Văn Đ3 ký tên là người làm chứng. Ông Đ xác định di chúc là do cụ T6 viết, ký tên, cụ H4 có điểm chỉ (lăn tay). Theo nội dung Tờ Di chúc thể hiện: …"Căn nhà số B, đường T, ấp A, thị trấn H vợ chồng tôi đang ở, sau này vợ chồng tôi qua đời, tôi giao cho đứt căn nhà của vợ chồng tôi đang ở cho con Võ Văn Đ được quyền làm chủ vĩnh viễn".

Về Tờ Di chúc ngày 06/3/2012, được lập thành văn bản, có chứng nhận của Văn phòng C, tỉnh Đồng Tháp chứng nhận. Nội dung Tờ Di chúc: Cụ T6 giao lại cho ông Võ Văn Đ được đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 234, diện tích 100,3m^2, tờ bản đồ số 49, đất ở đô thị, để thờ cúng ông, bà và cha, mẹ.

[7] Ông Lê Văn Đ3 khai: Cụ H4 và cụ T6 có nhờ ông Đ3 ký tên vào Tờ Di chúc ngày 15/10/2005 âl với tư cách là người làm chứng, nên ông Đ3 có ký tên vào Tờ Di chúc này là có thật và tại đơn xin xác nhận ngày 24/10/2024 ông Đ3 trình bày: Cụ T6 có đem giấy nhờ ông Đ3 ký tên, ông Đ3 không có đọc lại nội dung, chỉ ký vào tờ giấy do cụ T6 đưa, sau này ông Đ3 mới nghe ông B nói lại, ông Đ3 mới biết là ký tên vào Tờ Di chúc năm 2005. Còn đối với ông Đỗ Thanh H5 hiện nay đã chết.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông B có yêu cầu trưng cầu giám định dấu vân tay trên Tờ Di chúc ngày 15/10/2005 âl.

[9] Tại Kết luận giám định số 31/KL-KTHS ngày 07/3/2025 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: "Dấu vân tay bên trái chữ ký ghi họ tên Võ Văn T4 trên mẫu cần giám định (ký hiệu A) bị mờ nhòe, không thể hiện rõ hình chung và có ít đặc điểm riêng, nên không đủ yếu tố giám định truy nguyên".

[10] Như vậy, kết luận giám định không đủ yếu tố để giám định, nên chưa đủ căn cứ xác định là cụ H4 không có điểm chỉ vào Tờ Di chúc ngày 15/10/2005 âl. Ngoài ra, ông B, bà Đ2, bà Ú cũng không có chứng cứ chứng minh là cụ H4 không có điểm chỉ (lăn tay) vào Tờ Di chúc ngày 15/10/2005 âl. Việc lập di chúc ngày 15/10/2005 âl của cụ T4 và cụ H4 là phù hợp theo quy định tại Điều 634 Bộ Luật dân sự năm 2015 và Tờ Di chúc ngày 06/3/2012 có chứng nhận của Văn phòng C, tỉnh Đồng Tháp phù hợp với quy định tại Điều 636 Bộ Luật dân sư năm 2015, nên có giá trị về mặt pháp lý.

[11] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông B, bà Đ2 và bà Ú thừa nhận khi còn sống cụ H4 và cụ T4 có chia tài sản cho các con cụ thể: Bà K, bà T2, bà Đ2, bà Ú được chia căn nhà tại bên hông Chợ Hồng N cũ (hiện bà K đang quản lý, sử dụng); Ông R được chia 10 công ở C, ông B (Bé B1) được chia phần đất cây xăng A và ngôi nhà Trương T7 (nhà mồ), còn ông Đ quản lý vào sử dụng căn nhà và phần đất tranh chấp từ năm 2009 cho đến hôm nay. Hiện các tài sản đã được chia các người con của cụ H4 và cụ T4 cũng đã nhận và quản lý, sử dụng ổn định. Việc cụ H4 và cụ T4 chia tài sản cho các con phù hợp với Tờ Di chúc viết tay mà cụ T4 và cụ H4 lập vào ngày 15/10/2005 âl.

[12] Qua các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, nhân chứng, có cơ sở xác định khi cụ H4 và cụ T4 chết có lập Tờ Di chúc để căn nhà và thửa đất số 234, diện tích 100,3m^2 cho ông Đ là người thừa kế, nên việc ông B, bà Đ2, bà Ú, anh H3 kháng cáo yêu cầu chia thừa kế đối với căn nhà và phần đất nêu trên là không có căn cứ.

[13] Đối với bà bà K, anh H2 là người kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Như phần nhận định trên cụ H4, cụ T4 chết có lập Tờ Di chúc để căn nhà và phần đất tranh chấp cho ông Đ là người thừa kế, nên việc yêu cầu chia thừa kế của bà K và anh H2 là không có căn cứ.

[14] Xét, đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông B là chấp nhận kháng cáo của ông B. Xét thấy, cũng như phần nhận định trên đề nghị của Luật sư là chưa phù hợp, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[15] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là không chấp nhận kháng cáo của ông B, bà K, bà Đ2, bà Ú, anh H3 và anh H2, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[16] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông B, bà K, bà Đ2, bà Ú, anh H3 và anh H2, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử sửa cách tuyên án.

[17] Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

[18] Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên ông B, bà K, bà Đ2, bà Ú, anh H3 và anh H2 phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Ông B, bà K, bà Đ2 là người cao tuổi có đơn xin miễn tiền án phí. Căn cứ vào Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử thống nhất miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông B, bà K và bà Đ2.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 308; Khoản 1, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 634, 636 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 203 Luật Đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn B, bà Võ Thị K, bà Võ Thị Ngọc Đ2, bà Võ Thị Ú, anh Võ Thái H3 và anh Võ Văn H2.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2024/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn B và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị K, bà Võ Thị T2 (Chết - Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T2 là anh Võ Văn H2 và anh Võ Thành T3), anh Võ Thái H3, bà Võ Thị Ngọc Đ2 và bà Võ Thị Ú về việc yêu cầu ông Võ Văn Đ phải chia thừa kế đối với tài sản là diện tích đất 100,3m^2, thuộc thửa 234, tờ bản đồ số 49, hiện do ông Võ Văn T4 đại diện hộ đứng tên trong giấy chứng nhận QSD đất và căn nhà trên diện tích đất này, tọa

lạc tại khóm C, phường A, thành phố H, Đồng Tháp (Theo Sơ đồ đo đạc số 02/2024/SĐĐĐ/CNVPĐKĐĐ TPHN ngày 23/01/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H, tỉnh Đồng Tháp).

Ông Võ Văn Đ được quyền thừa kế căn nhà và thửa đất số 234, diện tích đất 100,3m^2, tờ bản đồ số 49, hiện do cụ Võ Văn T4 đại diện hộ đứng tên trong giấy chứng nhận QSD đất. Căn nhà và thửa đất tại số A, đường T, khóm C, phường A, thành phố H, Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, điều chỉnh, đăng ký biến động đối với diện tích đất được công nhận nêu trên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kèm theo Bản án này là Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 12/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự và Sơ đồ đo đạc số 02/2024/SĐĐĐ/CNVPĐKĐĐ TPHN ngày 23/01/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Hoàn trả lại cho ông Võ Văn B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000 đ (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), theo biên lai thu số 0001758 ngày 06/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự.

2.2 Buộc bà Võ Thị Ú phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.567.000đ (Mười triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn đồng). Tiền án phí được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà Ú đã nộp là 5.283.500 đồng (Năm triệu hai trăm tám mươi ba nghìn năm trăm đồng), theo biên lai thu số 0005131 ngày 07/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự. Bà Ú còn phải nộp thêm số tiền án phí còn lại là 5.283.500đ (Năm triệu hai trăm tám mươi ba nghìn năm trăm đồng).

2.3 Buộc anh Võ Thái H3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.567.000 đồng (Mười triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn đồng). Tiền án phí được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh H3 đã nộp là 5.283.500 đồng (Năm triệu hai trăm tám mươi ba nghìn năm trăm đồng), theo biên lai thu số 0005137 ngày 09/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự. Anh H3 phải nộp thêm số tiền án phí còn lại là 5.283.500 đồng (Năm triệu hai trăm tám mươi ba nghìn năm trăm đồng).

2.4 Buộc Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Võ Thị T2 là anh Võ Văn H2 và anh Võ Thành T3 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.567.000 đ (Mười triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

2.5 Ông Võ Văn B, bà Võ Thị K, bà Võ Thị Ngọc Đ2 là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí phúc thẩm:

3.1 Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Võ Văn B, bà Võ Thị K và bà Võ Thị Ngọc Đ2.

3.2 Bà Võ Thị Ú, anh Võ Văn H2, anh Võ Thái H3 mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của bà Ú, anh H2, anh H3 là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011906 ngày 21/8/2024, số 0011904 ngày 19/8/2024 và số 0011903 ngày 19/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự, được trừ vào tiền án phí.

4. Về chi phí tố tụng:

Buộc nguyên đơn ông Võ Văn B phải chịu tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá là 3.823.500 đồng (ông B đã nộp và đã chi xong).

5. Chi phí giám định:

Ông B phải chi phí giám định là 2.000.000 đồng, ông B đã nộp tạm ứng và đã chi xong.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND Tỉnh;
- TAND thành phố Hồng Ngự;
- CCTHADS thành phố Hồng Ngự;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án (D).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚCTHẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Tấn Tặng